



**Tạp chí**

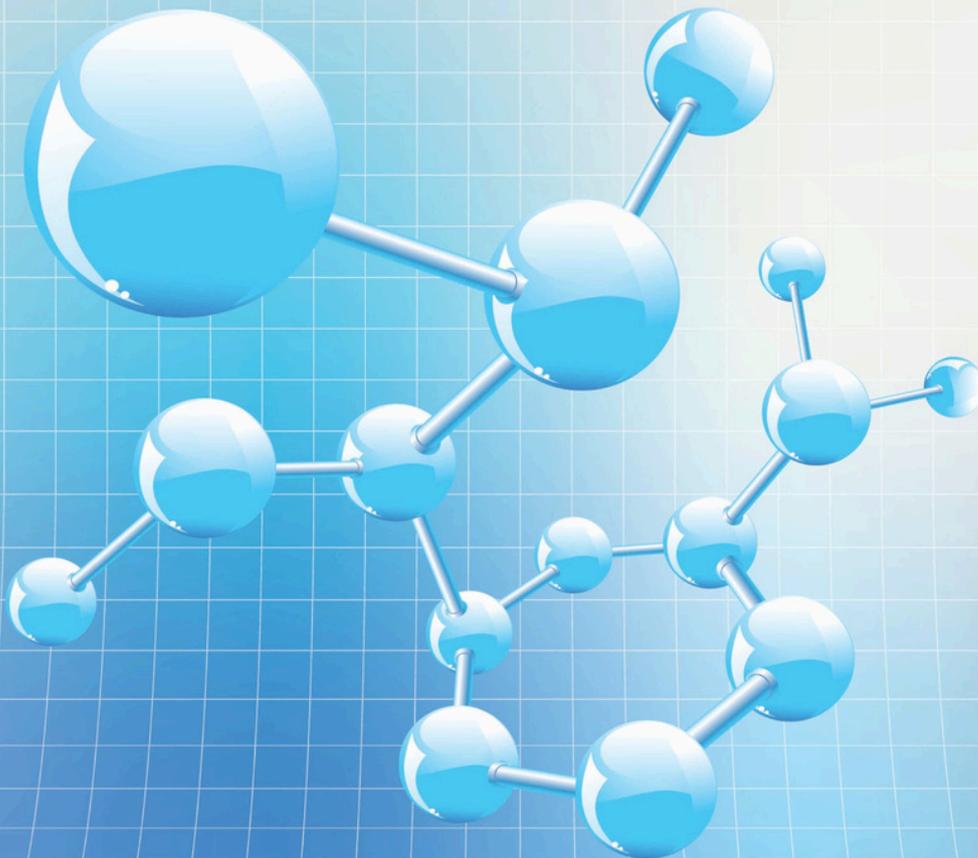
# **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY**

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



**SỐ ĐẶC BIỆT**

**KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG**

**Số 2 (90)**

**2025**

## MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	<b>Nguyễn Kế Nghĩa</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Xuân Trang</b> Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	<b>Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông</b> Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	<b>Nguyễn Tuấn Anh</b> Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	<b>Nguyễn Thị Hiền Oanh</b> Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	<b>Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh</b> Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	<b>Phan Thị Quỳnh Trang</b> Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	<b>Lại Thị Hiếu</b> Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Hữu Sơn</b> Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	<b>Trần Đăng Sinh<sup>1</sup>, Phùng Thị Lý<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Hội triết học Việt Nam <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	<b>Nguyễn Duy Thái<sup>1*</sup>, Nguyễn Thị Hải Hà<sup>2</sup>, Nguyễn Đức Chiện<sup>3</sup></b> <sup>1</sup> Tạp chí Xã hội học Việt Nam <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ <sup>3</sup> Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	<b>Lê Quý Dương<sup>1*</sup>, Nguyễn Đức Chiện<sup>2</sup>, Ngô Trung Thành<sup>3</sup>, Đinh Thị Thu Hằng<sup>3</sup>, Trần Thị Thu Thủy<sup>4</sup></b> <sup>1</sup> Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) <sup>2</sup> Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam <sup>3</sup> Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam <sup>4</sup> Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	<b>Lưu Ngọc Trinh<sup>1*</sup>, Lê Đăng Minh<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải <sup>2</sup> Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	<b>Phạm Thị Hồng Hoa<sup>1</sup>, Lưu Ngọc Trinh<sup>2*</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Sao Đỏ <sup>2</sup> Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	<b>Nguyễn Thị Ngọc Mai</b> Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	<b>Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai</b> Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	<b>Nguyễn Hoàng Mai<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Ngọc Mai<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Viện nghiên cứu phát triển du lịch <sup>2</sup> Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	<b>Trương Minh Hoài<sup>1*</sup>, Lê Thị Lại<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Đà Lạt <sup>2</sup> Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	<b>Lê Thị Thúy Hà</b> Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Thị Huế</b> Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	<b>Ngô Thị Luyện</b> Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	<b>Hoàng Thị Hoa</b> Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	<b>Nguyễn Thị Thủy</b> Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	<b>Vũ Thị Hương</b> Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	<b>Vũ Thị Lý</b> Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	<b>Vũ Thị Thanh Thủy</b> Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	<b>Nguyễn Minh Tuấn*</b> , <b>Phạm Thị Hồng Hoa</b> Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	<b>Nguyễn Thị Huyền Trang*</b> , <b>Trần Trọng Đức</b> , <b>Lê Khánh Duyên</b> , <b>Nguyễn Tuấn Minh</b> , <b>Nguyễn Hữu Hoàng Phúc</b> , <b>Đinh Thị Hồng Thắm</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	<b>Đinh Thị Kim Thiết</b> Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	<b>Đậu Ngọc Linh</b> Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	<b>Hồ Thị Hà</b> Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	<b>Nguyễn Thị Minh Hiếu<sup>1*</sup>, Nguyễn Thị Huyền Trang<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II <sup>2</sup> Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	<b>Tạ Thị Năm</b> Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	<b>Nguyễn Thị Thuỳ Trinh</b> Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	<b>Nguyễn Thị Hiền</b> Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	<b>Đinh Mạnh Tuấn<sup>1*</sup>, Lê Thanh Thảo<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ <sup>2</sup> Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	<b>Nguyễn Thị Hồng</b> Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	<b>Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	<b>Phí Văn Trọng*</b> , <b>Trần Thị Nam Thanh</b> Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	<b>Nguyễn Thị Huệ</b> Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	<b>Tiêu Thị Thu Ngân*</b> , <b>Nguyễn Phương Linh</b> , <b>Vũ Tuấn Nghĩa</b> Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	<b>Lương Thị Hoa</b> Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	<b>Nguyễn Thị Quỳnh</b> Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	<b>Nguyễn Thị Lý</b> Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	<b>Trần Cương</b> , <b>Trần Thị Quý Chinh*</b> Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	<b>Trần Thị Quý Chinh*</b> , <b>Trần Cương</b> , <b>Nguyễn Thị Mai Anh</b> , <b>Phạm Thị Hương Giang</b> Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	<b>Phùng Đặng Diệp Chi</b> , <b>Nguyễn Khánh Ly</b> , <b>Nguyễn Thu Ngân</b> , <b>Phạm Thành Long*</b> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	<b>Nguyễn Văn Lộc</b> , <b>Nguyễn Văn Phương</b> , <b>Phạm Ngọc Hương Quỳnh*</b> Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	<b>Nguyễn Minh Phương<sup>1</sup></b> , <b>Đào Thị Hà Anh<sup>2*</sup></b> , <b>Nguyễn Văn Lộc<sup>2</sup></b> <sup>1</sup> Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội <sup>2</sup> Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	<b>Phạm Thanh Tùng</b> Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

# Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học.

Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education

Phùng Đặng Diệp Chi, Nguyễn Khánh Ly,  
Nguyễn Thu Ngân, Phạm Thành Long\*

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

\*Email: longpt@neu.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/3/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 06/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

## Tóm tắt

Mục đích của nghiên cứu là định hướng ứng dụng lý thuyết TAM (Technology Acceptance Model) để phân tích mức độ chấp nhận và tương tác với công nghệ số của giảng viên, sinh viên ngành kế toán - kiểm toán với AI trong đào tạo đại học. Kết quả cho thấy nhận thức tích cực nhưng kỹ năng sử dụng còn hạn chế. Bài viết cũng đề xuất các trường đại học hướng tới giải pháp tối ưu hóa đầu tư công nghệ, nâng cao năng lực số cho giảng viên và sinh viên, đồng thời gợi ý hướng nghiên cứu định lượng trong tương lai.

**Từ khóa:** AI; TAM; kế toán-kiểm toán; nhận thức; mức độ tương tác; hiệu quả đầu tư.

## Abstract:

This study aims to utilize the Technology Acceptance Model (TAM) to analyze the acceptance and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI in higher education. The results indicate positive perceptions but limited usage skills. The article also suggests that universities should optimize investments in technological resources, enhance digital proficiency for lecturers and students, and propose directions for future quantitative research.

**Keywords:** AI; TAM; accounting-auditing; perception; interaction; investment performance.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của công nghệ số, đặc biệt là trí thông minh nhân tạo (AI) trong những năm gần đây, không chỉ mang lại những cơ hội, mà còn đặt ra những thách thức lớn

cho giáo dục đại học. Để thích ứng với thời cuộc, nhiều trường đại học đã dành nhiều nguồn lực đầu tư cho công nghệ số với kỳ vọng nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, yếu tố con người, yếu tố cốt lõi và

quyết định, dường như chưa được chú trọng tương xứng trong quá trình vận động đổi mới này. Trong khi giảng viên và sinh viên là những đối tượng chính trực tiếp ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy và học tập, là đối tượng mục tiêu của đổi mới, ứng dụng công nghệ số ở các trường đại học. Nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với các ứng dụng AI sẽ giúp cho các trường đại học có đánh giá toàn diện hơn về vai trò của nhân tố con người trong công cuộc đổi mới công nghệ nói chung, và ứng dụng AI trong giảng dạy nói riêng, từ đó có thể đưa ra hoặc điều chỉnh các chính sách đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh việc đầu tư dàn trải và mất cân đối vào công nghệ.

Trong kỷ nguyên số, trí thông minh nhân tạo (Artificial Intelligence - viết tắt là AI) đã trở thành công cụ quan trọng, tạo đột phá trong nhiều lĩnh vực, bao gồm giáo dục đại học. AI, thuộc khoa học máy tính, là công nghệ cho phép máy móc mô phỏng các quá trình học tập và lập luận của con người, đặc biệt là các hệ thống máy tính. Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ con người trong các việc như: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi... AI có thể giải quyết những công việc mà trước đây chỉ con người mới có thể thực hiện được như dự báo thông tin và phát hiện gian lận tài chính hay phân tích dữ liệu. Bên cạnh đó, AI cũng cung cấp cho các doanh nghiệp một công cụ có thể tối ưu hóa quy trình và phương thức sản xuất, kinh doanh [1].

Trong ngành kế toán - kiểm toán, AI cùng các công nghệ như Big Data và RPA đang

thay đổi cách thực hành nghề nghiệp. Các công ty lớn như Deloitte, PwC, EY, KPMG đã đầu tư mạnh vào AI để cải thiện tốc độ xử lý công việc, phát hiện gian lận, tối ưu hoá quy trình, nâng cao hiệu quả kiểm toán. Từ năm 2016, Deloitte đã hợp tác với Kira Systems phát triển ứng dụng Argus, ứng dụng này “học hỏi từ các tương tác của con người và ứng dụng các kỹ thuật máy học tiên tiến cùng xử lý ngôn ngữ tự nhiên để tự động nhận diện và trích xuất thông tin kế toán quan trọng từ mọi loại tài liệu điện tử”(Deloitte, 2016). Ứng dụng này giúp Deloitte giành giải Đổi mới Kiểm toán năm 2018 từ Bản tin Kế toán Quốc tế (International Accounting Bulletin, 2018).[4]

Sự phát triển này đòi hỏi nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán phải nâng cao kỹ năng số, không chỉ vững kiến thức chuyên môn mà còn phải làm chủ được công nghệ. Giảng viên cần cập nhật công nghệ để đổi mới giảng dạy, trong khi sinh viên phải trang bị kỹ năng để đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi về kiến thức, kỹ năng của thị trường lao động. Tuy nhiên, các nghiên cứu về mức độ chấp nhận AI trong giáo dục đại học Việt Nam còn hạn chế. Chính vì vậy, nghiên cứu này sử dụng lý thuyết TAM để đánh giá nhận thức và tương tác của giảng viên, sinh viên ngành kế toán - kiểm toán với AI, nhằm đề xuất giải pháp tối ưu hóa đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số.

## 2. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Giới thiệu về mô hình TAM

Mô hình TAM (Technology Acceptance Model) được xây dựng dựa trên lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) của Fishbein và Ajzen (1975), sau đó được phát triển bởi Davis (1989) và

là một trong những mô hình phổ biến nhất trong nghiên cứu về hành vi chấp nhận công nghệ của người dùng. Mô hình TAM chỉ ra rằng quyết định sử dụng công nghệ của người dùng phụ thuộc vào hai yếu tố chính: một là, tính hữu ích cảm nhận (Perceived Usefulness - PU) - đây là mức độ người dùng tin rằng công nghệ sẽ giúp họ cải thiện hiệu suất công việc hoặc học tập; hai là, tính dễ sử dụng cảm nhận (Perceived Ease of Use - PEOU) - được hiểu là mức độ người dùng cảm thấy họ có thể dễ dàng tiếp cận và sử dụng công nghệ. Hai yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến những nhân tố khác, cụ thể là Attitude Toward Use (ATU) - thái độ tích cực hoặc tiêu cực của người dùng đối với việc sử dụng hệ thống công nghệ, từ đó tác động tới Behavioral Intention to Use (BI) - ý định của người dùng trong việc sử dụng công nghệ trong tương lai.

## **2.2. Giảng viên - lực lượng lao động đang hoạt động thực tế và có vai trò dẫn dắt công nghệ**

### *2.2.1. Phản ứng tương tác của giảng viên với công nghệ số trong giảng dạy*

Trong môi trường đào tạo đại học, giảng viên là nhóm đối tượng có điều kiện tiếp cận công nghệ tốt khi họ có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm giảng dạy, và được tiếp cận với nguồn tài liệu học thuật, công nghệ. Điều này giúp họ có khả năng sử dụng công nghệ số trong giảng dạy một cách bài bản. Tuy nhiên, mức độ nhận thức và chủ động tương tác với AI và công nghệ số vẫn có sự khác biệt rõ ràng giữa các nhóm giảng viên.

Dựa trên phỏng vấn 18 giảng viên tại Đại học Kinh tế Quốc dân (tháng 02/2025), ba nhóm phản ứng với AI được xác định:

(1) Nhóm có mức thích ứng tốt (33%): có PU cao, chủ động dùng AI (Zoom, LMS) để giảng dạy. Nhóm này gồm những giảng viên có trình độ công nghệ cao, thường ở độ tuổi trẻ hoặc có cơ hội được tiếp xúc với những việc sử dụng công nghệ cao ở những quốc gia phát triển sớm. Họ thấy được sự hữu ích của AI, chủ động tìm hiểu và thường xuyên cập nhật xu hướng phát triển của công nghệ để biết cách áp dụng trong giảng dạy, tích cực áp dụng AI vào các hoạt động giảng dạy như hỗ trợ chấm chữa bài cho sinh viên, phân tích, tổng hợp nhiều kiến thức mới, sử dụng các phần mềm kế toán, kiểm toán hiện đại trong giảng dạy để khuyến khích sinh viên tiếp cận với công nghệ hỗ trợ hữu ích giảm thiểu hao phí sức lao động.

(2) Nhóm có mức thích ứng trung bình (50%): nhận thấy PU nhưng PEOU thấp do thiếu hướng dẫn. Nhóm này có khả năng sử dụng công nghệ mới nhưng còn thụ động. Họ sẽ bắt đầu thích ứng khi được trang bị đầy đủ tài nguyên và được nhà trường hỗ trợ tập huấn. Mặc dù họ nhận thức được việc áp dụng công nghệ AI sẽ hữu ích cho quá trình giảng dạy cũng như hỗ trợ họ có những bài giảng chất lượng hơn, nhưng vì không được hướng dẫn chi tiết bài bản, họ sẽ chỉ dùng những công cụ AI đơn giản, phổ biến rất ít và không tận dụng được triệt để tài nguyên công nghệ cao. Dù sẵn sàng và mong muốn sử dụng AI, mức độ tương tác thấp của họ phụ thuộc vào việc họ cảm thấy khá khó khăn trong việc sử dụng (PEOU thấp) và sự hỗ trợ, hướng dẫn, đôn đốc từ phía nhà trường.

(3) Nhóm bảo thủ (17%): PU và PEOU thấp, mức độ tương tác với công nghệ hạn

ché, ngại thay đổi phương pháp truyền thống. Thái độ tích cực (ATU) và ý định sử dụng (BI) cao hơn khi có hỗ trợ tập huấn. Nhóm này sẽ thường bao gồm những giảng viên ở độ tuổi trung niên, ít nhạy bén với công nghệ, có lâu năm kinh nghiệm giảng dạy và đã quen với cách giáo dục truyền thống. Chính vì vậy mà họ có thể cảm thấy công nghệ AI không thực sự cần thiết cho giảng dạy, giáo dục. Khi phải thay đổi một phương pháp giảng dạy mà họ đã phải tích lũy qua rất nhiều năm sẽ gây nên trạng thái tâm lí hụt hẫng, e ngại hoặc chống đối lại sự thay đổi, từ đó ít có động lực học hỏi, tiếp thu những công nghệ mới mà vẫn cố gắng duy trì cách giảng dạy quen thuộc.

### *2.2.2. Thái độ và ý định sẵn sàng tiếp cận công nghệ của giảng viên*

Phần lớn giảng viên đều nhận thức được tính hữu ích của công nghệ (PE), cảm thấy những phần mềm công nghệ AI hỗ trợ tốt trong việc quản lý sinh viên, giao bài tập, chấm chữa bài tập,... tiết kiệm thời gian, công sức và nâng cao trải nghiệm học tập cho sinh viên, đa số sẽ có xu hướng chấp nhận. Ví dụ: Phần mềm LMS hỗ trợ rất tốt cho giảng viên trong quá trình quản lý, kiểm soát cũng như tương tác với sinh viên.

Đối với các phần mềm AI đơn giản, giảng viên cảm thấy tính dễ sử dụng (PEOU) khi được hướng dẫn chi tiết, không đòi hỏi quá nhiều thời gian học và tìm hiểu, thiết kế giao diện thông minh, đơn giản. Ví dụ: Phần mềm học trực tuyến Zoom đã trở nên cực kì phổ biến trong lĩnh vực giáo dục vì nó dễ sử dụng và thiết kế phần mềm rất tối giản, giảng viên có thể dễ dàng nhớ cách sử dụng. Tuy nhiên, đối với các phần mềm chuyên môn về

kế toán, kiểm toán, giảng viên vẫn khá băn khoăn và ngại sử dụng vì chưa được hướng dẫn bài bản về những công cụ AI mới nhất đang được áp dụng trên thị trường lao động.

Khi giảng viên cảm thấy tích cực về hiệu quả và cách sử dụng dễ dàng họ sẽ có thái độ tích cực với việc sử dụng công nghệ (ATU). Từ đó dẫn tới ý định sử dụng công nghệ của giảng viên (BI) cao hơn.

### *2.2.3. Mức độ sẵn sàng đầu tư của giảng viên vào công nghệ số*

Tuy là nhóm có điều kiện tài chính ổn định và có cơ hội tiếp xúc với công nghệ thuận lợi nhưng để thực sự đầu tư vào công nghệ AI thì họ phải đánh giá được hiệu quả và sự cần thiết mà công nghệ mang lại. Nếu giảng viên nhận thấy việc sử dụng AI giúp họ nâng cao rõ rệt hiệu quả giảng dạy thực tế, như giúp giảm khối lượng công việc thông qua hỗ trợ tạo bài kiểm tra tự động, chấm điểm nhanh, quản lý lớp học hiệu quả và nâng cao trải nghiệm học tập cho sinh viên thì giảng viên sẽ cảm thấy đáng để đầu tư. Hơn nữa, công nghệ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức tốt hơn, tăng hứng thú với môn học và làm tương tác giữa giảng viên và sinh viên tốt hơn, thì họ sẽ cân nhắc đầu tư cao hơn, thể hiện rõ được tính hữu ích cảm nhận (PU).

Giảng viên sẽ có động lực tiếp cận AI tốt hơn khi ít gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ, việc nhà trường cung cấp các khóa đào tạo, tập huấn sử dụng tài nguyên công nghệ AI cho giảng viên sẽ là một điểm cộng lớn. Bên cạnh đó, nếu khối lượng công việc hàng ngày lớn, thì giảng viên có thể sẽ không sẵn lòng để học một thứ công nghệ hỗ trợ mà tốn quá nhiều thời gian hoặc giao diện sử dụng quá phức tạp.. Nắm

bắt được tâm lí đó thì sẽ giúp giảng viên tăng tính dễ sử dụng cảm nhận (PEOU).

### 2.3. Sinh viên - Lực lượng lao động tương lai

Tính hữu ích cảm nhận (Perceived Usefulness - PU) là một trong những yếu tố then chốt ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận AI của sinh viên kế toán - kiểm toán. Tuy nhiên, mức độ này không đồng đều giữa các sinh viên, nó còn phụ thuộc vào động lực cá nhân, yêu cầu của chương trình đào tạo và mức độ hướng dẫn của giảng viên. Qua khảo sát 50 sinh viên ngành kế toán - kiểm toán (tháng 2/2025), ba nhóm sinh viên có mức độ nhận thức và tương tác khác nhau với ứng dụng AI được ghi nhận:

(1) Chủ động (34%): PU cao, dùng AI (ChatGPT) để học tập. Sinh viên thuộc nhóm này chủ động học hỏi, đầu tư thời gian học tập vì nhóm này nhận thức được AI mang lại lợi ích đáng kể cho công việc kế toán - kiểm toán sau này của họ.

(2) Thụ động (48%): PEOU thấp, chỉ dùng khi bắt buộc. Nhóm này hình thành khi sinh viên thiếu cái nhìn tích cực về ứng dụng AI, nghi ngờ về độ chính xác của các thuật toán khi phân tích dữ liệu tài chính, hay họ lo ngại việc ứng dụng công nghệ AI vào quá trình kiểm toán sẽ khiến năng lực chuyên môn giảm sút vì họ không có cơ hội thực hành việc ấy thường xuyên, khiến họ chỉ dùng AI khi bị bắt buộc.

(3) Không quan tâm (18%): nghi ngờ PU, không quan tâm đến đổi mới công nghệ, ưu tiên phương pháp truyền thống. ATU và BI tăng khi giao diện AI thân thiện và có hướng dẫn rõ ràng.

Ngoài ra, khả năng cạnh tranh nghề nghiệp cũng là một khía cạnh quan trọng khác PU. Sinh viên cần nhận thức rằng việc trang bị kiến thức và kỹ năng về công nghệ số là cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của những nhà tuyển dụng trong bối cảnh công nghệ số hóa. Khi họ hiểu rằng thành thạo AI giúp họ gia tăng cơ hội việc làm trong thị trường lao động kế - kiểm, động lực học hỏi và khai thác AI trong học tập của họ càng mạnh hơn bao giờ hết.

Thêm vào đó, có rất nhiều công nghệ hiện đại với nhiều chức năng hỗ trợ vô cùng hữu ích nhưng vẫn chưa tiệm cận được với người dùng một cách phổ biến do trở ngại trong vấn đề sử dụng khó khăn. Chính vì vậy mà tính dễ sử dụng cảm nhận (PEOU) đóng vai trò hết sức quan trọng, có ảnh hưởng lớn tới việc chấp nhận công nghệ của sinh viên.

Đối với các sinh viên thường xuyên sử dụng thiết bị điện tử và có nền tảng công nghệ tốt thì việc tiếp cận các công cụ AI hỗ trợ quá trình học tập, nghiên cứu có giao diện và cách sử dụng khá đơn giản như ChatGPT, Gemini,... trở nên cực kì dễ dàng. Mặt khác, những sinh viên chưa có nhiều trải nghiệm tiếp cận với công nghệ có thể cảm thấy phức tạp, không biết cách sử dụng hoặc sử dụng được nhưng không khai thác được hết khả năng của công nghệ thì cũng sẽ cảm thấy nản, quay về phương pháp học truyền thống. Những yếu tố khiến cho công nghệ trở nên dễ dàng để sử dụng hơn bao gồm giao diện thân thiện, hướng dẫn cụ thể rõ ràng, khả năng tự động hoá và hỗ trợ người dùng tốt. Những điều này sẽ giúp cho nhiều sinh viên kế kiểm giảm

bớt áp lực và căng thẳng khi phải thích nghi với một công nghệ mới.

Cuối cùng, ý định hành vi sử dụng công nghệ (PI) và thái độ (ATU) của sinh viên kế toán kiểm toán đối việc sử dụng công nghệ cũng phản ánh mức độ sẵn sàng của sinh viên trong việc áp dụng AI vào học tập và công việc tương lai. Nhóm sinh viên có xu hướng chia thành hai nhóm đối tượng: tích cực và tiêu cực. Những người tích cực trong nhận thức về tính hữu ích và dễ sử dụng của AI thường chủ động tích hợp AI trong quá trình học tập như một công cụ hỗ trợ thường ngày. Họ dùng AI để hỗ trợ trong các dự án học thuật, phân tích dữ liệu, nghiên cứu chuyên sâu hoặc chuẩn bị cho các kỳ thi chuyên ngành. Nhờ mức độ tương tác cao với AI trong các nhiệm vụ đó, nhóm sinh viên này thường khá thành thạo trong việc ứng dụng AI vào quá trình học tập. Thậm chí, họ chủ động học hỏi các khóa học thêm đào tạo AI để bổ trợ kỹ năng. Ngược lại, nhóm sinh viên có nhận thức tiêu cực về AI thường hạn chế sử dụng hoặc chỉ sử dụng nó một cách thụ động khi được giáo viên yêu cầu trong rất ít chương trình học. Thông thường, họ có xu hướng né tránh sử dụng các công cụ này vì cho rằng nó không phù hợp với nhu cầu.

### **3. KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

Qua những phân tích về mức độ chấp nhận và tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán thông qua mô hình TAM, công nghệ số nói chung và AI nói riêng có tác động vô cùng mạnh mẽ đến sự thay đổi tích cực trong giáo dục kế toán, kiểm toán. Phần lớn, cả hai nhóm đối tượng giảng viên và sinh viên hiện nay đều nhận

thức và thái độ tích cực (ATU cao) đối với AI. Họ đều nhận thức rõ giá trị của công nghệ (PU cao) và sẵn sàng ứng dụng vào giảng dạy và học tập (BI cao). Tuy nhiên, AI cũng có thể là thách thức đối với lực lượng lao động hiện tại và lực lượng lao động tương lai trong bối cảnh công nghệ số phát triển vượt bậc ngày nay, bởi đa phần cả giảng viên và sinh viên đều cảm thấy khó sử dụng những công nghệ này vì họ chưa được hướng dẫn cũng như tiếp cận nó một cách chuyên sâu (PEOU thấp). Do đó, việc thúc đẩy mức độ tương tác với AI không chỉ phụ thuộc vào bản thân giảng viên hay sinh viên mà còn liên quan mật thiết đến các trường đại học trong việc giáo dục, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh công nghệ số hiện đại. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đầu ra, bồi dưỡng nguồn nhân lực có năng lực số, các trường đại học Việt Nam cần có những chính sách phù hợp. Cụ thể, nhà trường cần chú trọng vào hiệu quả đầu tư công nghệ trong giáo dục đại học ngành kế toán, kiểm toán. Điều đó đòi hỏi các trường đại học cần một chiến lược đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên đều có cơ hội tiếp cận công nghệ số nói chung và AI nói riêng một cách hiệu quả, từ đó tối ưu hóa quá trình chuyển đổi số trong đào tạo kế toán, kiểm toán.

Đầu tiên, các trường đại học nên xây dựng một chính sách đầu tư phát triển công nghệ một cách hợp lý và có chiến lược rõ ràng, phù hợp với điều kiện kinh tế và quy mô của từng trường. Cụ thể, việc lựa chọn kỹ càng và ưu tiên các nền tảng công nghệ tối ưu nhất cho giảng dạy và học tập kế toán, kiểm toán nên được xem xét kỹ lưỡng,

đặc biệt là đối với các trường đại học có quy mô vừa và nhỏ, nguồn lực tài chính có hạn. Thay vì đầu tư dàn trải vào nhiều hệ thống công nghệ phức tạp, đắt đỏ mà không phù hợp với nhu cầu sử dụng của giảng viên và sinh viên hay thị trường lao động, các trường có thể chọn lọc, tập trung vào các công cụ hiệu quả như các phần mềm hỗ trợ tự động về kiểm toán thông minh, hạch toán hiệu quả, phục vụ phân tích tài chính.

Bên cạnh đó, các trường đại học có thể thành lập những quỹ hỗ trợ nghiên cứu riêng, tạo động lực cho giảng viên có những nguồn lực thuận lợi nghiên cứu chuyên sâu về những ứng dụng của AI trong kế toán, kiểm toán. Điều này giúp thúc đẩy sự phát triển kiến thức, năng lực của giảng viên trong quá trình nghiên cứu, từ đó tạo động lực cho việc nhân rộng mô hình ứng dụng AI trong nội bộ các trường, hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo nhờ những phương pháp giảng dạy và hướng tiện cận sát với thị trường lao động thực tế.

Thêm vào đó, nhà trường nên lắng nghe, khảo sát ý kiến của giảng viên và sinh viên về những trải nghiệm thực tế khi sử dụng các công cụ hiện đại mới. Từ đó tìm thấy những khó khăn chung của cả hai nhóm đối tượng trong quá trình tiếp cận công nghệ ở vấn đề cài đặt và thiết kế của hệ thống, sau đó khắc phục bằng cách làm việc với các công ty phần mềm để phản hồi, đóng góp ý kiến nhằm xây dựng hệ thống thân thiện hơn với khách hàng đang sử dụng.

Một trong những giải pháp trọng yếu khác là nhà trường nên chú trọng vào việc nâng cao năng lực số cho giảng viên bởi vì họ là những nhân tố cốt lõi dẫn dắt sinh viên tiếp cận AI một cách bài bản. Do đó, các trường

đại học nên triển khai những buổi tập huấn, hội thảo,... bồi dưỡng chuyên sâu về AI cho giảng viên kế toán, kiểm toán để nâng cao kỹ năng số của giảng viên từ những phần cơ bản đến nâng cao. Ngoài ra, nhà trường nên tích hợp những phần mềm chuyên ngành thiết thực như điện toán đám mây, blockchain, ERP vào chương trình học của sinh viên kế toán, kiểm toán thông qua các bài thực hành cụ thể. Điều này không chỉ thúc đẩy giảng viên phải không ngừng nâng cao năng lực số, đảm bảo kiến thức chuyên môn để đáp ứng thị trường lao động mới mà còn giúp sinh viên làm quen với các phần mềm công nghệ số ngay khi còn trên giảng đường, đảm bảo nguồn nhân lực đầu ra thành thạo, tiết kiệm chi phí đào tạo sau này. Thêm vào đó, những tình huống mô phỏng thực tế nên được tích hợp vào các bài học thay vì chỉ học lý thuyết và làm bài tập trên sách vở để sinh viên có thể vận dụng thực hành các phần mềm này, xử lý các con số một cách thuận thực qua quá trình luyện tập trong suốt các năm đại học.

Bên cạnh đó, các trường đại học cần chú trọng vào việc hợp tác với các công ty phần mềm để hỗ trợ đào tạo cho giảng viên cũng như hỗ trợ học tập cho sinh viên. Các công ty phần mềm có thể cung cấp các tài khoản phần mềm hiện đại nhất được áp dụng trên thị trường miễn phí hay ưu đãi. Điều này vừa giúp các trường đại học giảm bớt gánh nặng tài chính, vừa giúp giảng viên và sinh viên tiếp xúc được với các phần mềm chuyên nghiệp ngay khi trên giảng đường, rút ngắn khoảng cách giữa trường học và thị trường lao động.

Để giúp giảng viên và sinh viên cập nhật những phần mềm AI đang được áp dụng

trong thị trường công nghệ số thực tế, các trường đại học có thể liên kết với các công ty kiểm toán, kế toán lớn như KPMG, Deloitte, PwC, EY bằng cách tổ chức các buổi hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn cập nhật những công cụ AI kế toán, kiểm toán hiện hành cũng như cung cấp các tình huống thực tế cho sinh viên làm quen. Điều này cũng giúp tạo cầu nối giữa sinh viên và các doanh nghiệp; trong khi sinh viên có động lực học tập cao hơn, tiếp cận được những nguồn học tập uy tín, nâng cao năng lực số đảm bảo nguồn lao động đầu ra chất lượng cao thì nhờ có mối quan hệ mật thiết giữa đại học và doanh nghiệp, các doanh nghiệp cũng tiếp cận được với nguồn nhân lực tương lai đầy tiềm năng, giảm các chi phí đào tạo sau này khi sinh viên tham gia vào thị trường lao động chính thức.

Cuối cùng, để hỗ trợ tích cực trong việc đào tạo bồi dưỡng sinh viên, các trường đại học nên xây dựng hệ thống tài liệu tự học và hướng dẫn thực hành bên cạnh các buổi học truyền thống trên lớp. Những tài liệu này có thể được xây dựng dưới dạng khóa học có video, hình ảnh, âm thanh rõ ràng về quy trình ứng dụng phần mềm trong các công việc “ảo”, giúp dễ dàng truyền tải nội dung và tiếp cận được với nhiều sinh viên. Nhờ vậy, sinh viên có cơ hội chủ động tiếp cận với các nguồn tài liệu uy tín về công nghệ số, cải thiện khả năng làm chủ kiến thức về các phần mềm công nghệ số và có nhiều cơ hội thăng tiến trong công việc tương lai.

#### **4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI**

Qua nghiên cứu trên, có thể kết luận giảng viên và sinh viên ngành kế toán -

kiểm toán có thái độ tích cực với AI (ATU cao), nhưng PEOU thấp do thiếu kỹ năng và hướng dẫn là rào cản chính. Mức độ tương tác và nhận thức của giảng viên, sinh viên về ứng dụng AI sẽ tác động tới việc đầu tư công nghệ số trong đào tạo giáo dục, nhưng mức độ này còn phụ thuộc vào tỷ lệ áp dụng, sự phát triển của các khả năng AI mới và cách các lực lượng lao động thực tế và tương lai thích ứng và nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ. Để tối ưu hóa hiệu quả đào tạo, các trường đại học cần đầu tư có chiến lược vào công nghệ, tổ chức tập huấn chuyên sâu và tăng cường hợp tác với doanh nghiệp.

Bài nghiên cứu đã giải quyết được những mục tiêu nghiên cứu đề ra, tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế như chủ yếu sử dụng phương pháp định tính, chưa có dữ liệu định lượng để đo lường mức độ nhận thức và tương tác với AI trong hiệu quả giảng dạy và học tập; phạm vi nghiên cứu giới hạn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, chưa mở rộng các ngành nghề khác có tính ứng dụng AI cao. Các nhóm nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung vào tiến hành định lượng với dữ liệu thực nghiệm, hay so sánh mức độ chấp nhận AI giữa các ngành nghề khác nhau như công nghệ thông tin, tài chính.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Viện Công nghệ Thông tin và Kinh tế số (09/05/2021). *Công nghiệp 4.0 là gì? Sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0*, Đại học Kinh tế quốc dân. Từ Công nghiệp 4.0 là gì? Sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0
- [2]. Deloitte. (2016). *Deloitte Forms Alliance with Kira Systems to Drive the Adoption of*

*Artificial Intelligence in the Workplace.*  
<https://www.prnewswire.com/news-releases/deloitte-forms-alliance-with-kira-systems-to-drive-the-adoption-of-artificial-intelligence-in-the-workplace-300232454.html>

[3]. Deloitte Wins 2018 'Audit Innovation of the Year' at The Digital Accountancy Forum & Awards.  
<https://www.prnewswire.com/news-releases/deloitte-wins-2018-audit-innovation-of-the-year-at-the-digital-accountancy-forum--awards-300724977.html>

[4]. Thomas H. Davenport. (2016). The power of advanced audit analytics Everywhere Analytics. Từ <https://www2.deloitte.com/content/dam/Delo>

[itte/us/Documents/deloitte-analytics/us-da-advanced-audit-analytics.pdf](https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/us/Documents/deloitte-analytics/us-da-advanced-audit-analytics.pdf)

[5]. Fishbein, M., & Ajzen, I. (1975). *Belief, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory and research.* Addison-Wesley.

[6]. Davis, F. D. (1989). *Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology.* MIS Quarterly, 13(3), 319-340.

[7]. Đại học Quốc gia TP.HCM. (26/12/2021). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học. [https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhgg-hcm\\_33396864/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc/343137306864.html](https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhgg-hcm_33396864/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-dai-hoc/343137306864.html)

#### THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Phùng Đặng Diệp Chi, Nguyễn Khánh Ly,  
Nguyễn Thu Ngân, Phạm Thành Long\*  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
\*Email: [longpt@neu.edu.vn](mailto:longpt@neu.edu.vn)  
Điện thoại:



**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**Địa chỉ:**

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: [info@saodo.edu.vn](mailto:info@saodo.edu.vn)

**P. ISSN 1859-4190  
E. ISSN 2815-553X**

**Số 2 (90)**

**2025**

**Địa chỉ Tòa soạn:**

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: [tapchikhcn@saodo.edu.vn](mailto:tapchikhcn@saodo.edu.vn).

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.  
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.